

DANH SÁCH CHỦ SỞ HỮU HƯỞNG LỢI CỦA DOANH NGHIỆP

| STT | Họ và tên | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Số, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy tờ pháp lý của cá nhân <sup>1</sup> | Quốc tịch | Dân tộc | Địa chỉ liên lạc | Chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp <sup>2</sup> |                                                       |                             | Ghi chú (nếu có) |
|-----|-----------|-----------------------|-----------|--------------------------------------------------------------------|-----------|---------|------------------|----------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|-----------------------------|------------------|
|     |           |                       |           |                                                                    |           |         |                  | Tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ                           | Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết <sup>3</sup> | Quyền chi phối <sup>4</sup> |                  |
| 1   | 2         | 3                     | 4         | 5                                                                  | 6         | 7       | 8                | 9                                                  | 10                                                    | 11                          | 12               |
|     |           |                       |           |                                                                    |           |         |                  |                                                    |                                                       |                             |                  |

....., ngày.....tháng.....năm.....  
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT/  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN/  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CỦA CÔNG TY  
(Ký và ghi họ tên)<sup>5</sup>

<sup>1</sup> Nếu cột số 5 kê khai Số định danh cá nhân thì không phải kê khai các cột số 6, 7.

<sup>2</sup> Trường hợp CSHHL thông qua sở hữu vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được xác định như sau:

- Cá nhân là cổ đông sở hữu từ 25% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên;
- Cá nhân là thành viên sở hữu từ 25% vốn điều lệ trở lên của công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên;
- Cá nhân là chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên;
- Cá nhân là thành viên hợp danh công ty hợp danh.

<sup>3</sup> Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết = Số cổ phần có quyền biểu quyết của chủ sở hữu hưởng lợi/tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty cổ phần.

<sup>4</sup> Nếu doanh nghiệp xác định được chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 17 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP thông qua quyền chi phối, doanh nghiệp ghi rõ một trong các quyền chi phối sau: bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên hội đồng quản trị, chủ tịch hội đồng quản trị, chủ tịch hội đồng thành viên; người đại diện theo pháp luật, giám đốc hoặc tổng giám đốc của doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung điều lệ của doanh nghiệp; thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty; tổ chức lại, giải thể công ty.

<sup>5</sup> - Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký trực tiếp vào phần này.

- 
- Trường hợp đăng ký chuyển đổi loại hình doanh nghiệp đồng thời đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật thì Chủ tịch Hội đồng quản trị của công ty sau chuyển đổi ký trực tiếp vào phần này.
  - Trường hợp Tòa án hoặc Trọng tài chỉ định người thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì người được chỉ định ký trực tiếp vào phần này.